| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỦY NGUYÊN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Nam Ninh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Doãn Văn Sáng

Bà Bùi Thuý Mở

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2023 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Văn Đ từ năm 2022 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại thôn 5, xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2022 thì vợ sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại Thôn Câu Tử, xã Tiên Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam từ tháng 12 năm 2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên là Bùi Lương Gia B, sinh ngày 14/01/2023. Chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con khỏe mạnh và được đảm B tốt về mọi mặt. Ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Văn Đ là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Bùi Lương Gia B, sinh ngày 14/01/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Lương Thị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn là anh Bùi Văn Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Bùi Văn Đ đã xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2022 đăng ký ngày 07/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Lương Thị T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12 năm 2022, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Bùi Văn Đ đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chứng tỏ anh Bùi Văn Đ không tha thiết níu kéo hôn nhân với chị Lương Thị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy việc xin ly hôn của

chị T và anh Đ là phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và phù hợp với tình trạng thực tế của vợ chồng, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh Đ có một con chung tên là Bùi Lương Gia B, sinh ngày 14/01/2023. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy, lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh thể hiện chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, việc nuôi con đã ổn định và được đảm B tốt về mọi mặt; con chung dưới 36 tháng tuổi nên khi ly hôn chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Đ không có ý kiến. Vì vậy, giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Bùi Lương Gia B, sinh ngày 14/01/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn Đ không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Lương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Văn Đ không trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008840 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Lương Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Lương Thị T và bị đơn là anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Hợp Thành, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nam Ninh**